

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3068/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II giao dự toán NSNN năm 2025 cho đơn vị dự toán trực thuộc.

Điều 3. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *chw*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính: Vụ HCSN, Cục TCDN, Cục QLNN&TCDN (biểu 36 đến biểu 46);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (Biểu 36);
- KBNN nơi giao dịch gửi qua ĐVSDNS (Biểu 36);
- Trung tâm CNTT và CDS (t/h công khai trên Cổng TT điện tử của Bộ KH&ĐT) (Biểu 37);
- Lưu: VT, VP (P.KHTC).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Stt	Nội dung	Dự toán TTCP giao	Tổng số phân bổ đợt này	Tổng cục Thống kê	Khối Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:											Dự toán chưa phân bổ	
						Văn phòng Bộ KHĐT	Cục Đầu tư nước ngoài	Cục Phát triển doanh nghiệp	Cục Quản lý đầu thầu	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Cục Kinh tế hợp tác	Trường Cao đẳng kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng	Học viện Chính sách và Phát triển	Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Viện Nghiên cứu quản lý KTTW	Viện Chiến lược phát triển		Dự án lẻ
+	Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước		418		418	418												
+	Sửa chữa trụ sở làm việc		56.136	54.136	2.000	2.000												
+	Kinh phí trang bị xe ô tô		30.650	29.090	1.560	1.560												
+	Kinh phí thực hiện tình gián biên chế theo ND 29/2023/ND-CP		900	700	200	200												
+	KP TĐT nông nghiệp nông thôn năm 2025			900.000														
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên của TCTK (CLPTTKVN, thuê trụ sở; Đề án KVKT chưa quan sát...)			8.694														
+	Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê		567.000	567.000	-													
4.2	Hoạt động khác (Khoản 368)		49.935	20.865	29.070	-	4.097	4.052	-	-	-	-	1.340	17.033	100	2.448	-	
-	Kinh phí thường xuyên		29.993	15.080	14.913	-	3.833	3.771	-	-	-	-	1.272	3.760	-	2.277	-	-
+	Kinh phí hỗ trợ đơn vị sự nghiệp		29.993	15.080	14.913		3.833	3.771					1.272	3.760		2.277		
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		445	445														
+	Tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên		445	445	-													
-	Kinh phí không thường xuyên		19.497	5.340	14.157	-	264	281	-	-	-	-	68	13.273	100	171	-	
+	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ		17.320	4.196	13.124									13.024	100			
+	Quyền miễn thuế theo Nghị định số 73/2024/ND-CP		2.177	1.144	1.033								68	249		171		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN					1097207	1097208	1097210	1113771	1105916	1126341	1052763	1087916	1079684	1053611	1097211		
	Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch					0012	0012	0012	0012	0012	0012	0161	0012	0012	0012	0012		